

THÍCH ỨNG TRẮC NGHIỆM HỨNG THÚ NGHỀ NGHIỆP QIP TRONG TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

Dương Giáng Thiên Hương^{*1} và Lê Thị Thu Thủy²

¹*Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

²*Trung tâm Hỗ trợ đào tạo và Cung ứng nhân lực, Bộ Giáo dục và Đào tạo*

Tóm tắt: Tư vấn hướng nghiệp là hoạt động, trong đó người làm tư vấn căn cứ vào những biện pháp chuyên môn để cho học sinh những lời khuyên về chọn nghề sát hợp có cơ sở khoa học, giúp học sinh định hướng được trong lựa chọn cho mình một nghề yêu thích, thực sự phù hợp với bản thân, có cơ hội cống hiến tài năng và trí tuệ, có được tiến bộ nghề nghiệp và trụ vững trong nghề trong tương lai. Để có những tư vấn giá trị, nhà tư vấn cần có hệ thống các bộ công cụ bao gồm các phương tiện, thiết bị như trắc nghiệm (test), bảng kiểm, bảng tự đánh giá cá nhân, thiết bị đo thể lực, thị lực, thính giác... Một trong những công cụ được sử dụng phổ biến để làm tư vấn hướng nghiệp hiện nay là các mẫu trắc nghiệm, như: Trắc nghiệm khuôn hình tiếp diễn của Ra ven; trắc nghiệm khả năng giao tiếp của V.P. Zakharov; Trắc nghiệm tính cách của John Holland ; Trắc nghiệm MBTI dựa trên nghiên cứu của Carl Jung; Trắc nghiệm hứng thú nghề nghiệp QIP của Larcebeau ... Tuy nhiên, do các trắc nghiệm này chủ yếu là từ nước ngoài, với bối cảnh, cơ cấu nghề nghiệp, điều kiện văn hóa, kinh tế khác biệt so với Việt Nam, do đó cần có bước thích ứng bộ công cụ trước khi đưa vào sử dụng đối với học sinh Việt Nam. Bài báo đề cập đến việc thích ứng trắc nghiệm hứng thú nghề nghiệp QIP đối với học sinh trung học cơ sở (THCS), từ đó đưa ra quy trình hướng dẫn sử dụng trắc nghiệm này trong hỗ trợ các trường THCS trong tư vấn hướng nghiệp cho học sinh.

Từ khóa: trắc nghiệm hứng thú nghề nghiệp, trắc nghiệm QIP, học sinh THCS, tư vấn hướng nghiệp.

1. Mở đầu

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 chia giáo dục phổ thông thành 2 giai đoạn là giai đoạn giáo dục cơ bản (gồm cấp Tiểu học và Trung học cơ sở) và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (cấp Trung học phổ thông). Trong chương trình 2018, giáo dục định hướng nghề nghiệp, phát triển năng lực theo sở trường, nguyện vọng của từng học sinh, bảo đảm học sinh tiếp cận nghề nghiệp, chuẩn bị cho giai đoạn học sau có chất lượng hoặc tham gia cuộc sống lao động một cách có hiệu quả vẫn được tiếp tục quan tâm nhấn mạnh. Trong đó nêu rõ, mục tiêu của chương trình THCS là “giúp học sinh phát triển các phẩm chất, năng lực đã được hình thành và phát triển ở cấp tiểu học, tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng các phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng, có những hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động” [1].

Ngày nhận bài: 19/8/2020. Ngày sửa bài: 28/8/2020. Ngày nhận đăng: 14/9/2020.

Tác giả liên hệ: Dương Giáng Thiên Hương. Địa chỉ e-mail: huongdgt@hnue.edu.vn

Tư vấn hướng nghiệp là một trong ba khâu có mối quan hệ chặt chẽ và tác động qua lại lẫn nhau trong công tác giáo dục hướng nghiệp cho thanh, thiếu niên; đó là định hướng nghề nghiệp, tư vấn nghề nghiệp và tuyển chọn nghề. Trong đó, giáo dục phổ thông chịu trách nhiệm chính trong việc định hướng nghề nghiệp và tư vấn nghề nghiệp cho học sinh. Với tầm quan trọng như vậy, năm 2005, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành văn bản số 9971/BGD&ĐT-HSSV về “*Triển khai công tác tư vấn cho học sinh, sinh viên*”, trong đó nhấn mạnh nội dung công tác tư vấn hướng vào “*hướng nghiệp, chọn nghề và thông tin tuyển sinh*” [2].

Đề học sinh phổ thông, đặc biệt là học sinh THCS có thể có hiểu biết về nghề, ý thức hướng nghiệp để sẵn sàng học tiếp hoặc tham gia vào cuộc sống, việc tư vấn hướng nghiệp cho các em ngay từ khi còn là học sinh THCS có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Tư vấn hướng nghiệp được hiểu là “hệ thống những biện pháp tâm lý, giáo dục và một số biện pháp khác được các chuyên viên tư vấn hướng nghiệp, các thầy, cô giáo làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp sử dụng nhằm *phát hiện, đánh giá sở thích* nghề nghiệp, *khả năng về thể chất, trí tuệ* của học sinh; *điều chỉnh các khả năng thực có của mỗi em* với những yêu cầu của bậc học cao hơn hoặc những yêu cầu của nghề đặt ra đối với người lao động, có cân nhắc đến nhu cầu của địa phương và xã hội. Từ đó, giúp các em tìm ra giải pháp và từng bước giải quyết vấn đề để chọn được hướng học hoặc chọn nghề phù hợp” [3]. Để giúp học sinh lựa chọn đúng hướng học, ngành học phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện cá nhân, thì công tác tư vấn hướng nghiệp cho các em là hết sức quan trọng. Làm tốt công tác hướng nghiệp còn giúp cho việc chuẩn bị nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

Thực tế cho thấy, hoạt động tư vấn và giáo dục hướng nghiệp hiện nay còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được nhu cầu của học sinh. Hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong chương trình giáo dục phổ thông cũng chưa được thực hiện một cách bài bản và thường xuyên. Một trong những nguyên nhân của thực trạng này là thiếu công cụ tư vấn, cụ thể hơn là thiếu các công cụ đánh giá ban đầu để biết được năng lực, sở thích, tính cách của các em [4], [5], [6]. Hiện tại, ở Việt Nam, những công cụ được sử dụng phổ biến để làm tư vấn hướng nghiệp là các mẫu trắc nghiệm, như: Trắc nghiệm khuôn hình tiếp diễn của Ra ven; trắc nghiệm khả năng giao tiếp của V.P. Zakharov; Trắc nghiệm tính cách của John Holland ; Trắc nghiệm MBTI dựa trên nghiên cứu của Carl Jung, Trắc nghiệm hứng thú nghề nghiệp QIP của Larcebeau ... Tuy nhiên, do các trắc nghiệm này chủ yếu là từ nước ngoài, với bối cảnh, cơ cấu nghề nghiệp, điều kiện văn hóa, kinh tế khác biệt so với Việt Nam, do đó cần có bước thích ứng bộ công cụ trước khi đưa vào sử dụng đối với học sinh Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Giới thiệu khái quát về trắc nghiệm hứng thú nghề nghiệp QIP:

Trắc nghiệm hứng thú nghề nghiệp (QIP) nằm trong số những trắc nghiệm về thuộc tính cá nhân nhằm cung cấp các định hướng hoạt động của mỗi người. Thông qua việc thực hiện trắc nghiệm này, kết quả cho phép chúng ta biết được đâu là đối tượng và hoạt động mà mỗi cá nhân thường xuyên tìm kiếm hoặc né tránh. Từ đó, chúng ta đánh giá được xu hướng hoạt động mà mỗi người hướng tới và giúp cho việc định hướng nghề nghiệp tương lai phù hợp.

QIP được xây dựng bởi S. Larcebeau vào năm 1967 dựa trên mô hình hứng thú của Kuder. QIP cho phép đánh giá hứng thú với 9 nhóm nghề: Văn học, Nghệ thuật, Khoa học, Thể thao, Xã hội, Kỹ thuật, Thiên nhiên, Hành chính, Quan hệ kinh doanh. Trắc nghiệm này muốn đo hứng thú nghề nghiệp dựa trên những nghề mà cá nhân phát biểu là thích.

Bảng hỏi QIP gồm 90 nghề được chia làm 10 bảng (A, B, C, D, E, F, G, H, I, J). Mỗi bảng có 9 nghề đại diện cho 9 nhóm nghề: Văn học; Nghệ thuật; Khoa học; Thể thao; Trợ giúp/XH; Thiên nhiên; Hành chính; Kỹ thuật; Quan hệ kinh doanh.

Tất cả những bảng hỏi bằng lời đều có bản chất văn hoá lịch sử. Theo nguyên tắc sử dụng, trắc nghiệm sẽ không phù hợp nếu sử dụng chúng cho các đối tượng có bối cảnh văn hoá khác nhau, hoàn cảnh lịch sử thay đổi mà không thông qua một quá trình thích nghi và chuẩn hoá lại. Trắc nghiệm QIP nguồn gốc từ Pháp, do đó, trong bản gốc của Pháp có những nghề không có hoặc không phổ biến ở Việt Nam. Ví dụ: người dạy trượt tuyết, người lái thử máy bay...

Trắc nghiệm QIP đã được thích ứng ở Việt Nam (trong phạm vi nhỏ) cho học sinh THPT ở Hà Nội bởi nhóm tác giả Trần Thị Hoài Thu cùng với các cộng sự thực hiện theo các bước: dịch test QIP sang tiếng Việt, thay đổi 28 nghề cho phù hợp với Việt Nam, thử nghiệm mẫu, xử lý, phân tích kết quả và xây dựng bảng mẫu chuẩn cho học sinh THPT [7].

Sau khi test QIP được thích ứng cho học sinh THPT, các nghề trong QIP so với bản gốc đã thay đổi. Cụ thể đặc điểm các nhóm nghề và tên nghề như sau:

Bảng 1. Đặc điểm các nhóm nghề và các nghề
(phiên bản sau thích ứng dành cho học sinh THPT)

Nhóm	Đặc điểm	Nghề được lựa chọn
Văn học	Thiên về các hoạt động đọc hay trình bày, có điểm mạnh về nghiên cứu văn chương, ngôn ngữ, lịch sử ...	Nhân viên thư viện, Nhà văn, Nhà báo, Phiên dịch/Biên dịch, Nhà phê bình văn học, Luật sư, Nhà sử học, Biên tập viên, Bình luận viên, Giáo viên Ngữ văn.
Nghệ thuật	Có thiên hướng đối với các hoạt động liên quan đến âm nhạc, hội họa, phim ảnh, các hoạt động thẩm mỹ nói chung.	Nhạc công, Diễn viên, Đạo diễn, Thiết kế thời trang, Họa sĩ, Nhiếp ảnh gia, Giáo viên mỹ thuật, Thiết kế nội thất, Kiến trúc sư, Nhà biên đạo múa.
Khoa học	Quan tâm đến những vấn đề lí thuyết và ứng dụng, phù hợp với nghiên cứu các khoa học tự nhiên (Lí, Hoá, Sinh...).	Nhà sinh vật học, Nhà vật lí học, Nhà thực vật học, Nhà hóa học, Giáo viên khoa học tự nhiên, Nhà hải dương học, Nhà địa chất học, Nhà dân tộc học, Nhà toán học, Nhà thiên văn học.
Thể thao	Hứng thú bởi hoạt động cơ thể hoặc các cuộc thi đấu thể thao.	Hướng dẫn viên leo núi, Vận động viên thể thao chuyên nghiệp, Cascadeur (Người đóng thế), Võ sư, Vệ sĩ, Giáo viên thể dục, Giáo viên dạy bơi, Thợ lặn, Phóng viên thể thao, Huấn luyện viên thể thao.
Giúp đỡ/xã hội	Thích các hoạt động phục vụ người khác, giúp đỡ người khác.	Giáo viên dạy trẻ khuyết tật, Cán bộ văn hoá phường, xã, Bác sĩ, Giáo viên phụ trách đoàn, đội, Nhà tư vấn hướng nghiệp, Nhân viên y tế cộng đồng, Nhà tâm lí học trị liệu, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Luật sư chuyên về trẻ em, Nhà tư vấn việc làm.
Thiên nhiên	Thích các hoạt động nông nghiệp, làm vườn cũng như các hoạt động quan sát và bảo vệ môi trường.	Kĩ thuật viên ươm cây, Nhân viên thiết kế cảnh quan, Cán bộ kiểm lâm, Kĩ thuật viên nuôi động vật giống, Nhân viên môi trường, Bác sĩ thú y, Kĩ sư nông nghiệp, Kĩ sư lâm sinh, Chuyên viên phát triển nông thôn, Kĩ sư công nghệ sinh học.

Hành chính	Quan tâm đến các hoạt động trong nhà để thực hiện các công việc hành chính, quản lí, những công việc không đòi hỏi sự di chuyển nhiều và mang tính chất lặp lại.	Nhân viên thu thuế, Giao dịch viên ngân hàng, Nhân viên thu ngân, Chánh văn phòng, Kế toán viên, Công chứng viên, Thanh tra tài chính, Tư vấn luật, Quản trị nhân sự, Chuyên viên phụ trách cơ sở vật chất.
Kĩ thuật	Có hứng thú với hoạt động kĩ thuật, kĩ thuật thực hành (xây dựng hoặc phát triển) chủ yếu được làm bằng tay, hoặc bằng cách sử dụng các công cụ hoặc thiết bị.	Kĩ sư lọc hoá dầu, Kĩ sư tin học, Kĩ sư điện tử, Đồ hoạ công nghiệp, Kĩ thuật viên công nghiệp lạnh, Trưởng phòng kĩ thuật, Kĩ sư xây dựng, Nhân viên địa chính, Kĩ sư cơ khí, Giám sát thi công công trình.
Quan hệ kinh doanh	Quan tâm đến thế giới kinh doanh, đời sống doanh nghiệp, những hoạt động quan hệ mang tính trách nhiệm cao.	Nhân viên bảo hiểm; Nhân viên môi giới chứng khoán, Trưởng phòng marketing, Nhân viên kinh doanh, Nhân viên xuất nhập khẩu, Giám đốc công ty môi giới bất động sản, Tuỳ viên thương mại, Giám đốc thương mại, Trưởng phòng kinh doanh, Quản lí khách sạn.

Trắc nghiệm QIP được mô tả dưới dạng một mẫu phiếu, trong đó có 9 bảng đánh chữ A, B, C, D..., bên phải đều có một khoảng trống để đánh số từ 1 – 9 tùy theo mức độ yêu thích của từng công việc: 1 cho công việc được ưa thích nhất và 9 cho công việc ít được ưa thích nhất. Không ghi 2 lần cùng một lựa chọn. Học sinh làm hết tất cả 9 bảng và số thứ tự lựa chọn sẽ được đưa vào bảng tổng hợp để tính điểm cuối cùng. Kèm theo Phiếu trắc nghiệm có Phiếu ghi kết quả QIP và Phiếu ghi kết quả chuẩn hóa QIP.

Kết quả dựa trên việc phân tích điểm cho các nhóm nghề để xác định 03 nhóm nghề học sinh yêu thích nhất, 03 nhóm nghề học sinh không thích nhất (điểm thấp); đối chiếu với bảng mẫu kiểm định và ghi vào mẫu Phiếu ghi kết quả chuẩn hóa QIP; sau đó xác định hứng thú của từng học sinh đối với từng nhóm nghề theo 5 mức (hứng thú rất yếu, hứng thú yếu, hứng thú trung bình, hứng thú mạnh, hứng thú rất mạnh). Tiếp theo đó, liệt kê những nghề học sinh thích nhất, thích nhì của các nhóm nghề học sinh xác nhận có hứng thú và yêu cầu học sinh chọn ra 3 nghề học sinh thích nhất và giải thích lí do vì sao chọn 3 nghề này. Việc tính toán kết quả được hướng dẫn để học sinh tự chủ động thực hiện, đồng thời cũng khuyến nghị học sinh sau khi xác định hứng thú với nhóm nghề cần kiểm tra lại xem kết quả có phù hợp với bản thân học sinh hay không.

2.2. Quá trình thích ứng test QIP đối với học sinh THCS:

Dựa trên kết quả thích ứng trắc nghiệm của tác giả Trần Thị Hoài Thu, chúng tôi tiếp tục tiến hành thích ứng trắc nghiệm cho học sinh THCS trong năm học 2019 – 2020.

2.2.1. Quy trình thích ứng:

Bước 1: Chọn mẫu

Mẫu được lựa chọn là học sinh lớp 8, 9 của hai trường THCS. Mẫu đảm bảo cùng độ tuổi, bao quát từ thành thị đến nông thôn, học sinh ở tất cả các trình độ học lực giỏi, khá, trung bình, cân bằng về giới tính.

Thời gian lấy mẫu: tháng 10/2019

Độ lớn của mẫu: > 200 học sinh.

Bước 2: Thử nghiệm lần 1, cho học sinh làm trắc nghiệm QIP sau khi đã cung cấp mẫu trắc nghiệm và hướng dẫn học sinh hiểu cách làm trắc nghiệm.

Bước 3: Thu thập phiếu trả lời, xử lí số liệu sử dụng phần mềm SPSS 20.0

Bước 4: Phân tích số liệu và chỉ ra các item chưa phù hợp và chuẩn hóa

Bước 5: Xây dựng bảng mẫu chuẩn cho học sinh THCS.

Bước 6: Thử nghiệm lần 2 với test đã điều chỉnh trên đối tượng khác

Bước 7: Thu thập số liệu, phân tích và đánh giá kết quả.

Bước 8: Đánh giá sự phù hợp của test sau khi điều chỉnh.

Bước 9: Xây dựng bảng mẫu chuẩn

Quy trình sẽ lặp lại từ bước 6 nếu như sau khi điều chỉnh mà kết quả thu được vẫn chưa đạt độ tin cậy.

2.2.2. Kết quả thích ứng trắc nghiệm QIP

Sau lần thử nghiệm 1, dựa trên kết quả, chúng tôi thấy một số nhóm nghề không đảm bảo độ tin cậy, một số item (nghề) có độ tin cậy thấp ($<.70$). Vì vậy, chúng tôi tiến hành thay đổi 1 số nghề này cho phù hợp hơn để tiến hành thử nghiệm lần 2. Các nhóm nghề thay thế được tham khảo và lựa chọn dựa trên đặc điểm của nhóm nghề và danh mục nghề của Việt Nam. Cụ thể các nghề được thay thế như sau:

Nghề		Nghề thay thế
Bác sĩ		Công an/Bộ đội
Nhân viên y tế cộng đồng		Điều dưỡng viên
Nhân viên thiết kế cảnh quan		Kiến trúc sư cảnh quan
Nhân viên môi trường		Chuyên gia bảo vệ môi trường
Chuyên viên phụ trách cơ sở vật chất		Chuyên gia quản lí đô thị

Lần thứ 2, chúng tôi lấy mẫu là 231 học sinh 8,9 ở 2 trường THCS ở Hà Nội (THCS Nguyễn Tất Thành) và Hà Nam (THCS Liêm Tuyền) để làm thử nghiệm. Dựa trên thử nghiệm lần 1, chúng tôi có một số điều chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả quá trình thử nghiệm, giúp học sinh thuận lợi hơn khi làm trắc nghiệm.

Cụ thể, trong lần thứ 1, một số học sinh thắc mắc là các em không thật sự thích các nghề được đưa vào trong trắc nghiệm mà lại thích nghề khác (nằm ngoài danh sách). Vì vậy, trong lần thử nghiệm lần 2 này chúng tôi đã đưa vào phiên bản test QIP một yêu cầu nữa (được ghi ở cuối phiếu trắc nghiệm): *Hãy viết ra tên của 3 nghề mà em yêu thích nhất (các nghề đó có thể có hay không có trong danh sách này).*

Thêm vào đó, trước khi làm trắc nghiệm, chúng tôi mô tả và giải thích rõ cách ghi mức độ hứng thú (*phân loại đúng theo hứng thú nghề nghiệp thay vì quan tâm đến tiền lương, khả năng thăng tiến hoặc trách nhiệm công việc*) và giải đáp thắc mắc cho HS về các nghề trong danh sách mà các em chưa hiểu.

Độ tin cậy của thang đo hứng thú đối với các nhóm nghề của học sinh sau lần thử nghiệm thứ 2 được mô tả trong bảng dưới đây:

Nhóm nghề	Văn học	Nghệ thuật	Khoa học	Thể thao	Xã hội	Thiên nhiên	Hành chính	Kĩ thuật	Kinh doanh
Hệ số Cronbach's Alpha	.715	.719	.711	.819	.719	.726	.708	.744	.714

Theo bảng trên, độ tin cậy nội tại của các nhóm nghề trong trắc nghiệm QIP đều đảm bảo qui định (từ .70 trở lên). Điều đó chứng tỏ những chỉnh sửa các item trong test QIP cũng như việc hướng dẫn làm test theo đúng chuẩn mực đã có hiệu quả.

Sau khi xác định độ tin cậy của thang đo, chúng tôi tiến hành xây dựng bảng mẫu chuẩn cho học sinh THCS. Theo qui định sử dụng trắc nghiệm của quốc tế, điểm số cá nhân chỉ có ý nghĩa khi được đặt vào trong nhóm dân số cùng văn hóa, độ tuổi và trình độ. Xây dựng bảng mẫu chuẩn giúp nhà nghiên cứu có cơ sở so sánh, đối chiếu với điểm thô của từng cá nhân thu được khi làm trắc nghiệm, từ đó mới có những đánh giá ban đầu về xu hướng nghề của học sinh có cơ sở khoa học.

Từ số liệu đã phân tích, chúng tôi đã xây dựng bảng mẫu chuẩn (mẫu kiểm định) các nhóm nghề trong test QIP (theo 5 mức độ hứng thú hay ưa thích) cho học sinh THCS với tỷ lệ quy ước như sau:

Mức 5: Hứng thú rất yếu (10%)

Mức 4: Hứng thú yếu (20%)

Mức 3: Hứng thú trung bình (40%)

Mức 2: Hứng thú mạnh (20%)

Mức 1: Hứng thú rất mạnh (10%)

Bảng mẫu chuẩn sau khi xử lý điểm thô của học sinh qua lần thử nghiệm thứ 2 với số lượng mẫu là 231 thu được như sau:

Mức Các nhóm nghề (điểm)	Hứng thú rất yếu (5)	Hứng thú yếu (4)	Hứng thú trung bình (3)	Hứng thú mạnh (2)	Hứng thú rất mạnh (1)
Văn học	90 - 65	64 - 56	55 - 41	40 - 30	29 - 9
Nghệ thuật	90 - 60	59 - 50	49 - 36	35 - 25	24 - 9
Khoa học	90 - 68	67 - 58	57 - 45	44 - 34	33 - 9
Thể thao	90 - 73	72 - 66	65 - 49	48 - 36	35 - 9
Xã hội	90 - 66	65 - 59	58 - 47	46 - 41	40 - 9
Thiên nhiên	90 - 71	70 - 63	62 - 52	51 - 42	41 - 9
Hành chính	90 - 65	64 - 58	57 - 46	45 - 37	36 - 9
Kĩ thuật	90 - 70	69 - 63	62 - 48	47 - 39	38 - 9
Kinh doanh	90 - 61	60 - 52	51 - 38	37 - 29	28 - 9

Theo mức độ hứng thú ở mức 5 (rất mạnh) các nhóm nghề ở bảng mẫu chuẩn trên, ta thấy học sinh THCS hứng thú với nhóm nghề Nghệ thuật nhất, sau đó là nhóm nghề Kinh doanh, tiếp theo là các nhóm nghề Văn học, Khoa học, Thể thao, Hành chính, Kĩ thuật. Hai nhóm nghề Xã hội và Thiên nhiên có điểm cao nhất (mức 5 dao động từ 9 – 40, 9 - 41 điểm) chứng tỏ học sinh không có nhiều hứng thú. Xu hướng học sinh thích các nghề thuộc nhóm nghề Nghệ thuật và Kinh doanh phù hợp với trào lưu xã hội hiện nay vì các em cho rằng những nghề đó có thể kiếm được nhiều tiền và có danh vọng.

Ở lần thử nghiệm thứ 2, các số liệu thu được cho thấy kết quả phân tích đạt mức chuẩn qui định của phép thống kê. Vì vậy, những sửa đổi ở test QIP so với bản gốc là phù hợp, bảng mẫu chuẩn test QIP cho học sinh THCS ở trên là kết quả đáng tin cậy. Với yêu cầu viết thêm vào cuối test QIP *Hãy viết ra tên của 3 nghề mà em yêu thích nhất (các nghề đó có thể có hay không có trong danh sách này)*, chúng tôi đã liệt kê các nghề các em viết ra. Kết quả thu được khá trùng hợp với các nhóm nghề mà các em ưa thích.

Ví dụ: Xử lý kết quả test QIP của HS N.V.A sau khi thu được điểm thô.

Các nhóm nghề	Điểm thô	Điểm kiểm định	Hứng thú rất yếu	Hứng thú yếu	Hứng thú TB	Hứng thú mạnh	Hứng thú rất mạnh
Văn học	30	4	90-65	64-56	55-41	40-30	29-9
Nghệ thuật	12	5	90-60	59-50	49-36	35-25	24-9
Khoa học	55	2	90-68	67-58	57-45	44-34	33-9
Thể thao	80	1	90-73	72-66	65-49	48-36	35-9
Xã hội	46	3	90-66	65-59	58-47	46-41	40-9
Thiên nhiên	52	3	90-71	70-63	62-52	51-42	41-9
Hành chính	45	4	90-65	64-58	57-46	45-37	36-9
Kỹ thuật	75	1	90-70	69-63	62-48	47-39	38-9
Kinh doanh	45	3	90-61	60-52	51-38	37-29	28-9

Dựa vào điểm thô và điểm kiểm định (từ 1-5 tương ứng với hứng thú rất mạnh đến hứng thú rất yếu), ta thấy học sinh N.V.A ưa thích nhất là nhóm nghề Nghệ thuật, tiếp đó là nhóm nghề Văn học và Hành chính... Đối chiếu với 3 nghề ưa thích được HS viết ra khi làm trắc nghiệm QIP, nếu phù hợp với các nhóm nghề em N.V.A ưa thích thì điều đó sẽ khẳng định thêm xu hướng nghề của em. Nếu không phù hợp thì có thể phỏng vấn thêm để tìm hiểu xem N.V.A có hiểu về các nghề đó không và nghề mà em ưa thích thật sự là nghề gì.

2.3. Sử dụng test QIP khi tiến hành tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THCS

2.3.1. Mục đích sử dụng QIP

- *Dùng trong hoạt động hướng nghiệp*: cho học sinh làm để các em có sự suy nghĩ về ngành nghề mình sẽ làm trong tương lai. Từ đó, các em có kế hoạch học tập và rèn luyện để thực hiện ước mơ của mình.

- *Dùng trong tư vấn định hướng nghề nghiệp*: Sử dụng kết quả để tiến hành phỏng vấn học sinh với mục đích:

- + Giúp học sinh hiểu hơn quan điểm của mình về nghề nghiệp
- + Giúp học sinh hiểu hơn về bản thân mình
- + Giúp học sinh chắc chắn hơn về lựa chọn của mình và các em cảm thấy được đảm bảo khi lựa chọn nghề nghiệp.
- + Chủ động hơn trong việc tìm thông tin cho sự lựa chọn
- + Lựa chọn của các em thực tế hơn, phù hợp hơn với đặc điểm cá nhân của các em.

2.3.2. Các bước thực hiện bảng hỏi QIP

Bảng hỏi QIP có thể sử dụng đối với cá nhân hoặc tập thể. Thời gian làm khoảng 25 phút (không bao gồm thời gian hướng dẫn).

Bước 1: Chuẩn bị phương tiện thực hiện QIP gồm:

- Bảng hỏi QIP
- Phiếu ghi kết quả QIP
- Phiếu ghi kết quả chuẩn hóa QIP

Bước 2: Giới thiệu QIP và mục đích của việc làm trắc nghiệm

Yêu cầu học sinh tự cho điểm từ 1 đến 9 vào các ô trống bên phải ở mỗi bảng A, B, C, D, E, F, G, H, I, J tùy theo mức độ yêu thích đối với từng công việc (nghề): 1 cho công việc được yêu thích nhất và 9 cho công việc ít được yêu thích nhất.

Cần lưu ý học sinh:

- Không được đánh 2 lần cùng một lựa chọn, có nghĩa mỗi điểm chỉ được sử dụng một lần, 9 ô trống ở bên phải mỗi bảng phải được đánh bởi 9 điểm số khác nhau (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9) ứng với mức độ yêu thích của từng công việc.

- Xếp hạng các nghề trong mỗi bảng theo đúng hứng thú nghề nghiệp của các em thay vì quan tâm đến tiền lương, khả năng thăng tiến hoặc trách nhiệm công việc...

Bước 3: Tổng hợp kết quả làm trắc nghiệm

- Chép lại điểm ở các bảng A, B, C, D, E, F, G, H, I, J vào “Phiếu ghi kết quả QIP”.

- Tính tổng điểm theo hàng và ghi kết quả vào cột “tổng điểm”.

- Xếp loại hứng thú từ 1 đến 9 theo kết quả ở cột tổng điểm: 1 ứng với điểm tổng thấp nhất và 9 ứng với điểm tổng cao nhất.

Cột xếp loại xác định được HS có hứng thú nhiều nhất đối với nhóm nghề nào (*Văn học, Nghệ thuật, Khoa học, Thể thao, Trợ giúp/XH, Thiên nhiên, Hành chính, Kỹ thuật, Quan hệ kinh doanh*).

Bước 4: Xác định mức độ hứng thú đối với từng nhóm nghề

Đối chiếu điểm tổng của từng nhóm nghề với “Bảng mẫu kiểm định” sau đó ghi kết quả vào “Phiếu kết quả chuẩn hóa QIP” (để xác định mức độ hứng thú của HS đối với từng nhóm nghề là mạnh hay yếu). Giải thích kết quả cho học sinh.

3. Kết luận

Thực tế thử nghiệm đối với hai nhóm học sinh THCS tại Hà Nội và Hà Nam qua hai lần thử nghiệm cho thấy, việc thích ứng trắc nghiệm hứng thú nghề nghiệp là một việc làm có ý nghĩa. Trắc nghiệm sau khi thích ứng cùng với bảng mẫu chuẩn bước đầu giúp hỗ trợ tốt đối với học sinh THCS trong thời điểm hiện tại khi muốn tìm hiểu về hứng thú nghề nghiệp của chính bản thân mình từ sớm. Ngoài ra, mỗi bộ trắc nghiệm sẽ có những hạn chế nhất định. Do đó, để có thể hỗ trợ tốt hơn cho việc tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THCS, bên cạnh trắc nghiệm hứng thú nghề nghiệp, giáo viên hoặc cán bộ hướng nghiệp cần sử dụng phối hợp nhiều công cụ, khảo sát thông tin nhiều góc độ: sức khỏe, sở thích, trí thông minh... giúp có được hiểu biết rõ hơn về học sinh, từ đó có những tư vấn hướng học và hướng nghiệp cho học sinh một cách phù hợp hơn.

Ghi chú: Bài viết này là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ: “Nghiên cứu đề xuất bộ công cụ tư vấn định hướng nghề nghiệp cho học sinh trung học cơ sở”, Mã số đề tài: B2018-SPH- 54.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 32/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông ngày 26 tháng 12 năm 2018.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, CV số 9971/2005 về công tác Tư vấn học sinh, sinh viên ngày 28 tháng 10 năm 2005.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2015. *Kỹ năng tư vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp cho học sinh trung học*, Tài liệu dự án, tr. 43, 44.
- [4] Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Thị Thanh Trà, 2020. “Thực trạng hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh cuối cấp trung học cơ sở hiện nay”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Vol 65, Issue 4, tr. 89-99.
- [5] Gia Trang, 2014. “Nhu cầu tư vấn hướng nghiệp của học sinh một số trường trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội”. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 109, tr. 7 – 10.

- [6] Hoàng Gia Trang, 2014. “Nhận thức của học sinh lớp 9 về hoạt động tư vấn hướng nghiệp”. *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, số 40 (101) – tháng 7/2014, tr. 8 - 10, 13.
- [7] Trần Thị Hoài Thu, 2009. *Nghiên cứu thích ứng Bảng hỏi hứng thú Nghề nghiệp (QIP) đối với học sinh trung học phổ thông Hà Nội*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.

ABSTRACT

Adapting the career interest test QIP in career counseling for Junior high school students

Duong Giang Thien Huong^{*1} và Le Thi Thu Thuy²

¹*Faculty of Primary Education, Hanoi National University of Education*

²*Training Support and Human Resource Development Center,
Ministry of Education and Training*

Career advising is an activity in which advisors rely on professional measures to offer guidance to students on the choice of a science-based integrated career, allowing students orient in their choice. Finding a suitable career is very essential for one to have the ability to contribute talent and intellect, to make professional advancement, and to stay steadfast in the future. In order to achieve these values, it is necessary for the consultant to have a system of resources, including equipment such as testing, self-evaluation charts, measuring devices for physical strength, visual and auditory system,... One of the most commonly used methods for career counseling today is the quiz templates. By way of illustration, Raven's continuation frame test, V.P. Zakharov's communication skills test, John Holland's personality test, or Carl Jung's research-based MBTI test, career interest test QIP... However, these inspections are mainly from abroad, with different contexts, occupational frameworks, cultural and economic conditions compared to Vietnam, it is therefore important to take a step towards adapting the toolkit before experimentation on Vietnamese students. This article mentions how to adapt the career interest test – QIP for Junior High school students, thereby offering advice on the use of the test to assist Vietnamese middle schools in career counseling.

Keywords: career interest test, QIP test, junior high school students, career counseling.